

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN
XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN
MST: 2000503134**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04.../CBTT- Cty

Tam Giang Tây, ngày 02 tháng 3 năm 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1

1.1. Về sản lượng sản xuất năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1421/QĐ-UBND, ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất, giai đoạn 2019 – 2025. Công ty xây dựng các phương án thiết kế khai thác chính rừng sản xuất năm 2023 như sau:

Tổng diện tích khai thác gỗ rừng trồng loài thực vật thông thường năm 2023: 606,86 ha, so với kế hoạch 544,75 ha, đạt 111,4%; Sản lượng lâm sản 72.099,01 m³, so với kế hoạch 56.940,9 m³, đạt 126,62%. Trong đó:

- Thực hiện khai thác do Công ty trực tiếp quản lý với tổng diện tích 82,01 ha, so với kế hoạch 83,63 ha, đạt 98,06%; diện tích giảm 1,62 ha so với kế hoạch; Sản lượng lâm sản 12.257,42 m³ so với kế hoạch 11.290,1 m³, đạt 108,56%. Sản lượng tăng 8,56% do năm 2023 thực hiện theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Do đó xây dựng phương án thiết kế, tính sản lượng dự kiến nên Công ty tổ chức đấu giá bao tiêu sản phẩm và tự tổ chức khai thác nhập – xuất theo sản lượng thực tế nên sản lượng lâm sản tăng so với kế hoạch.

- Thực hiện khai thác do hộ dân trực tiếp quản lý với tổng diện tích 524,85 ha, so với kế hoạch 461,12 ha, đạt 113,82 %; Sản lượng lâm sản 59.841,59 m³ so với kế hoạch 45.650,8 m³, đạt 131,08 %; Diện tích tăng 13,82%, tương ứng 63,73 ha; sản lượng tăng 31,08%, tương ứng 14.190,79 m³, so với kế hoạch được giao. Nguyên nhân thực hiện Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Do đó xây dựng phương án thiết kế, tính sản lượng dự kiến nên hộ dân tự nhận lại tổ chức khai thác và tiêu thụ sản phẩm phần tỷ lệ được hưởng lợi, nên nhập – xuất lâm sản theo sản lượng thực tế nên sản lượng lâm sản tăng so với kế hoạch.

1.2. Về các chỉ tiêu tài chính:

Tổng doanh thu năm 2023: 84.824 triệu đồng, (doanh thu lâm sản: 81.751 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 96,38% trên tổng doanh thu; còn lại doanh thu khác: 3.073 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 3,62% trên tổng doanh thu), so với kế hoạch 63.940 triệu đồng, đạt 132,66%, so với thực hiện năm 2022: 48.489 triệu đồng, đạt 174,93%. Nguyên nhân chính làm tăng tổng doanh thu 32,66%, là do diện tích khai thác tăng 11,4%, sản lượng lâm sản tăng 26,62% dẫn đến doanh thu lâm sản năm 2023 đạt 81.751 triệu đồng, so với kế hoạch 60.334 triệu đồng, đạt 135,5%, tăng 35,5% tương ứng 21.416

triệu đồng nên doanh thu thực hiện năm 2023 tăng so với kế hoạch năm 2023 là 32,66%, tăng so với thực hiện năm 2022 là 74,93%.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2023: 7.195,6 triệu đồng, so với kế hoạch 3.700 triệu đồng, đạt 194,47%, so với thực hiện năm 2022: 3.677 triệu đồng, đạt 195,69%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 6.936,8 triệu đồng, so với kế hoạch 3.420 triệu đồng, đạt 202,83%, so với thực hiện năm 2022: 3.449 triệu đồng, đạt 201,12%.

Việc đánh giá các chỉ tiêu tài chính về mức độ bảo toàn và phát triển của Công ty thực hiện theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ như sau:

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 32.081 triệu đồng.

- Tổng tài sản: 38.180,9 triệu đồng, so với kế hoạch: 34.783 triệu đồng, đạt 109,76%.

- Vốn chủ sở hữu: 32.081 triệu đồng, so với kế hoạch: 31.026 triệu đồng, đạt 103,4%.

- Quỹ đầu tư phát triển: 2.081 triệu đồng, so với kế hoạch: 1.026 triệu đồng, đạt 202,82%.

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận /Vốn chủ sở hữu (ROE): 0,21 lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,18 lần

Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ. Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2022: 34.802 triệu đồng so với vốn điều lệ 30.000 triệu đồng. Công ty thực hiện nộp phần chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước 4.802 triệu đồng theo tinh thần Công văn số 6512/UBND-KT ngày 16/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nộp phần chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nên vốn chủ sở hữu năm 2023 giảm so với thực hiện năm 2022.

1.3. Thuế và các khoản sinh phải nộp ngân sách nhà nước

Năm 2023 Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước: 3.594,5 triệu đồng, bao gồm các khoản thuế như sau:

+ Thuế GTGT	:	137,2 triệu đồng
+ Thuế TNDN	:	258,7 triệu đồng
+ Thuế TNCN	:	155,5 triệu đồng
+ Thuế môn bài	:	4,0 triệu đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	:	3.038,9 triệu đồng

Các khoản thuế phải nộp ngân sách năm 2023: 3.594,5 triệu đồng, trong đó: (Thuế GTGT: 137,2 triệu đồng, thuế TNDN: 258,7 triệu đồng, thuế môn bài: 4,0 triệu đồng, lợi nhuận còn lại phải nộp ngân sách: 3.038,9 triệu đồng, thuế TNCN: 155,5 triệu đồng). Riêng thuế thu nhập cá nhân không tính vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Do đó số thuế phải nộp năm 2023: 3.439,0 triệu đồng, so với kế hoạch 1.110 triệu đồng, đạt 309,81% tăng tỷ lệ 209,81%.

Các khoản thuế đã nộp ngân sách năm 2023: 1.817,84 triệu đồng, trong đó: nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 chuyển sang 73,05 triệu đồng, năm 2023 Công ty đã nộp ngân sách 1.744,79 triệu đồng gồm (Thuế GTGT: 97,78 triệu đồng, thuế TNDN: 200 triệu đồng, thuế môn bài: 4,0 triệu đồng, lợi nhuận còn lại nộp ngân sách: 1.300 triệu đồng, thuế TNCN: 143,01 triệu đồng). Riêng thuế thu nhập cá nhân không tính vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Do đó số thuế đã nộp năm 2023: 1.601,78 triệu đồng, so với kế hoạch 1.110 triệu đồng, đạt 144,3% tăng tỷ lệ 44,3%.

Số còn phải nộp trong năm 2023: 1.696,2 triệu đồng, trong đó: Thuế GTGT: 39,5 triệu đồng; thuế TNDN: 58,76 triệu đồng; thuế tài nguyên: (6,57) triệu đồng; lợi nhuận còn lại: 1.624,55 triệu đồng; thuế khác: (2,1) triệu đồng, thuế TNCN: 12,48 triệu đồng, không tính vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Số thuế còn phải nộp năm 2023: 1.683,7 triệu đồng, trong đó: Thuế GTGT: 39,5 triệu đồng; thuế TNDN: 58,76 triệu đồng; thuế tài nguyên: (6,57) triệu đồng; lợi nhuận còn lại: 1.594,1 triệu đồng; thuế khác: (2,1) triệu đồng.

Nhìn chung, Công ty thực hiện tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước đều vượt mức kế hoạch được giao. Nhìn chung các tỷ suất và các hệ số đều ở mức an toàn, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách đều đạt, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách đúng quy định và kịp thời.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Sở Tài chính và các Sở, Ban ngành chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Với sự nỗ lực quyết tâm của Ban giám đốc thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tuyên truyền, vận động người lao động, tiếp thu, quán triệt kịp thời đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của chuyên ngành, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tế; phát huy được sức mạnh nội lực, kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Từ đó tạo thành sức mạnh tập thể lãnh chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng; nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 cơ bản đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch được giao nhằm góp phần cho Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Khó khăn

Hiện nay Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh ngành lâm nghiệp, việc khai thác gỗ chưa có thị trường cạnh tranh lành mạnh nên việc gắn kết vùng nguyên liệu với chế biến lâm sản, chưa thực sự phát huy hết tiềm năng giá trị rừng bền vững.

Việc quy hoạch rừng - tôm chưa có hoạch định rõ ràng, từ đó làm ảnh hưởng đến việc xác định quỹ đất trồng rừng.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của các tổ hợp công ty mẹ- công ty con (nếu có)(*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1	m ³	53.288,92	64.137,6	
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63,94	84,82	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,70	7.195	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,42	6,93	
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1,11	3,59	
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	57	53	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	7,19	7,92	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,37	1,32	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	5,82	6,60	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ- công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Trong năm Công ty không có thực hiện tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính

Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Công ty sử dụng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp, không có huy động vốn của các tổ chức và cá nhân.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

Công ty là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, không có công ty con.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẴM CÓ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc




Dinh Văn Diên




Luu Văn Hùng